

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Huỳnh Thị Sương

- T1 ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – T1 ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 563/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim Y, sinh năm 1983;

Trú tại: ấp Phước Trung, xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1982;

Trú tại: ấp An Lợi, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Kim Y trình bày:

Chị và anh T cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã An Ngãi Trung vào ngày 28/3/2005, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì có nhiều bất đồng dẫn đến cự cãi xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu, kinh tế không đủ lo cho gia đình ngoài ra anh T còn rất khó khăn với vợ con. Chị khuyên anh T nhiều lần và cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không sửa đổi tính tình. Anh T hứa mà không thực hiện, có lần chị phải dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống rồi đi làm một thời gian. Vì thương con nên chị quay về sống chung với anh T để cùng lo cho con, nhưng sau đó anh T lại chứng nào tật nấy. Chị quyết định về nhà cha mẹ ruột ở huyện Mỏ Cày Bắc và sống ly thân với anh T từ tháng 7/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không có hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được với nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung Phan Thị Bảo Thư, sinh ngày 08/01/2006 và Phan Quang M, sinh ngày 04/5/2013. Cháu T1 đang sống chung với chị còn cháu M thì đang do anh T nuôi dưỡng. Hai cháu đều được nuôi dưỡng tốt. Chị yêu cầu nuôi cháu Thư, chị đồng ý giao cho anh T nuôi dưỡng cháu M. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Tại bản tự khai ngày 04/3/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Phan Thanh T trình bày:

Về điều kiện kết hôn anh đồng ý với ý kiến trình bày của Y.

Về hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với Y, anh còn thương vợ thương con, muốn Y cho anh thêm cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng lo cho con. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi không hòa thuận. Nguyên nhân anh đi làm có thường xuyên uống rượu với bạn bè, điều kiện kinh tế không đủ lo cho vợ con nên Y hay cãi nhằn anh rồi cự cãi nhau. Y có khuyên anh nhưng lúc đó nghĩ hôn nhân không đến mức phải ly hôn nên anh có hứa cho qua chuyện mà không thực hiện, sửa đổi tính tình. Nay anh biết Y đã không còn thương anh nữa muốn ly hôn với anh, anh hứa sẽ sửa đổi tính tình để vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng lo cho các con. Chị Y đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 7/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng Y đều từ chối.

Về con chung: Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y thì anh

yêu cầu nuôi cháu Phan Quang M, sinh năm 04/5/2013. Anh đồng ý giao cháu Phan Thị Bảo Thư, sinh ngày 08/01/2006 cho Y nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T. Về con chung: giao con chung tên Phan Thị Bảo Thư, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Phan Quang M, sinh năm 04/5/2013 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung. Ghi nhận chị Y và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y và anh T cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ngãi Trung vào ngày 28/3/2005 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 7/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo chị Y trình bày do anh T không chăm lo cho gia đình, anh T đi làm nhưng thường xuyên uống rượu, tính tình khó khăn, chị khuyên và cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không sửa đổi tính tình. Còn anh T cũng thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị Y có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi không hòa thuận. Nguyên nhân anh đi làm có thường xuyên uống rượu với bạn bè, điều kiện kinh tế không đủ lo cho vợ con nên chị Y hay cằn nhằn rồi cự cãi nhau. Chị Y có khuyên anh nhưng lúc đó nghĩ hôn nhân không đến mức phải ly hôn nên anh có hứa cho qua chuyện mà không thực hiện,

sửa đổi tính tình. Trong thời gian sống ly thân anh T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Y từ chối, anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T, chị Y đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó chị Y yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Y và anh T có 02 con chung Phan Thị Bảo Thư, sinh ngày 08/01/2006 và Phan Quang M, sinh ngày 04/5/2013. Hiện nay cháu M do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, cháu M cũng có nguyện vọng được sống với anh T. Cháu T1 đang do chị Y nuôi dưỡng, chị Y yêu cầu nuôi cháu T1 và cháu T1 cũng có nguyện vọng sống chung với chị Y. Do đó, yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M của anh T, yêu cầu nuôi cháu T1 của chị Y là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Y và anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Kim Y phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Kim Y được ly hôn với anh Phan Thanh T.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 28/3/2005 của Ủy ban nhân dân xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Thị Bảo Thư, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Võ Thị Kim Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Phan Quang M, sinh ngày 04/5/2013 cho anh Phan Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Võ Thị Kim Y và anh Phan Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị Y, anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T, chị Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Kim Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu T số 0004284 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã An Ngãi Trung
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Linh